

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2017/HS-ST

Ngày 09/10/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Trọng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Khải; Bà H'Thủy Bon Jóc Ju.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vi Thế Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên toà:
Ông Tống Mạnh Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Nông, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2017/HSST, ngày 08 tháng 9 năm 2017, đối với:

1. Các bị cáo:

1.1. **Hoàng Văn S**, sinh năm 1987; nơi sinh: tỉnh Bắc Kạn; nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: thôn N1, xã N, huyện B, tỉnh Đắk Nông; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: làm nông; con ông Hoàng Văn T1 và con bà Lý Thị S1, vợ là Vi Thị B1 và 01 con; đang chấp hành hình phạt tù trong vụ án khác trích xuất về nhà tạm giữ Công an huyện B để xét xử vụ án tại huyện B - Có mặt.

1.2. **Lý Văn A**, sinh năm 1987; nơi sinh: tỉnh Bắc Kạn; nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: thôn 4, xã C1, huyện J, tỉnh Đắk Nông; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: làm nông; con ông Lý Quang Đ và con bà Triệu Thị T1, vợ là Dương Thị N1 và 01 con; bị bắt tạm giam từ ngày 13/6/2017, đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B - Có mặt.

1.3. **Đặng Phú H1**, sinh năm 1982; nơi sinh: tỉnh Cao Bằng; nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: thôn Đ2 xã T, huyện B, tỉnh Đắk Nông; trình độ học vấn: không biết chữ; nghề nghiệp: làm nông; con ông Đặng Quỳ S2 và con bà Bàn Mùi C2, vợ là Bàn Mùi P1 và 03 con; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/6/2017, đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B - Có mặt.

1.4. **Triệu Tồn S**, sinh ngày 20/7/1999; nơi sinh: tỉnh Bắc Kạn; nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: thôn Đ1, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Nông; trình độ học

vấn: không biết chữ; nghề nghiệp: làm nông; con ông Triệu Chàn O và con bà Triệu Mùi P2; bị bắt tạm giam từ ngày 08/6/2017, đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B - Có mặt.

1.5. **Sầm Văn H2** (tên gọi khác: T1), sinh năm 1987; nơi sinh: tỉnh Nghệ An; nơi ĐKNKTT: thôn C3, xã S3, huyện H2, tỉnh Hà Tĩnh; chỗ ở hiện nay: thôn Đắc Rô, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Nông; trình độ học vấn: 3/12; nghề nghiệp: làm nông; con ông Sầm Văn T2 và con bà Lương Thị S4; bị bắt tạm giam từ ngày 08/6/2017, đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện B - Có mặt.

1.6. **Lý Tồn K**, sinh năm 1992; nơi sinh: tỉnh Cao Bằng; nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: thôn 5, xã u, huyện R, tỉnh Đắk Nông; trình độ học vấn: 3/12; nghề nghiệp: làm nông; con ông Lý Kim M và con bà Lý Mùi M, vợ là Đặng Mùi P và 01 con; bị bắt tạm giam từ ngày 12/6/2017 đến ngày 07/7/2017 được tại ngoại - Có mặt.

1.7. **Lý Sành C**, sinh năm 1984; nơi sinh: tỉnh Cao Bằng; nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: thôn 5, xã u, huyện R, tỉnh Đắk Nông; trình độ học vấn: không biết chữ; nghề nghiệp: làm nông; con ông Lý Kiềm U và con bà Lý Mùi H, vợ là Lý Mùi P và 02 con; bị bắt tạm giam từ ngày 12/6/2017 đến ngày 07/7/2017 được tại ngoại - Có mặt.

2. Người bào chữa cho các bị cáo Hoàng Văn S, Lý Văn A, Đặng Phú H1, Triệu Tồn S, Sầm Văn H2, Lý Tồn K, Lý Sành C: Ông Y và ông Phạm Quang X – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đắk Nông.

3. Người bị hại:

3.1. Ông Hà Văn C4, sinh năm 1962; địa chỉ: thôn Đ3, xã N, huyện B, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

3.2. Anh Võ Ngọc V, sinh năm 1982; địa chỉ: 129/7 đường T, phường Tự An, TP. B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

3.3. Anh Đàm Văn L, sinh năm 1973; địa chỉ: thôn 10, xã G, huyện J, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

3.4. Anh Nguyễn Văn X, sinh năm 1988; địa chỉ: thôn H, xã N, huyện B, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

3.5. Anh Y K Êban, sinh năm 1982; địa chỉ: buôn Ê, phường K, TP. B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

3.6. Chị H Y Kbuôr, sinh năm 1987; địa chỉ: buôn Ê, phường K, TP. B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

3.7. Anh Nguyễn Huy T3, sinh năm 1975; địa chỉ: thôn N4, xã N, huyện B, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

3.8. Anh Đàm Quốc P4, sinh năm 1988; địa chỉ: thôn N5, xã Đ, huyện B, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

3.9. Anh Đinh Quốc T2, sinh năm 1996; địa chỉ: thôn L3, xã Đ, huyện B, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

3.10. Chị Phạm Thị X, sinh năm 1979; địa chỉ: thôn T4, xã N, huyện B, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

3.11. Anh Nguyễn Văn S2, sinh năm 1971; địa chỉ: tổ 1, khối 2, thị trấn E, huyện J, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

4.1. Anh Lê Quang D; sinh năm 1992; địa chỉ: thôn X, xã S, huyện R, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

4.2. Anh Vũ Ngọc B2, sinh năm 1975; địa chỉ: tổ 11, khối 2, thị trấn E, huyện J, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

4.3. Ông Trần Việt D, sinh năm 1969; địa chỉ: thôn 6, xã T5, huyện J, tỉnh Đắk Nông – Vắng mặt.

4.4. Anh Bùi Văn H4, sinh năm 1981; địa chỉ: thôn 3, xã T5, huyện J, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

4.5. Anh Y Đình Y1, sinh năm 1983; địa chỉ: bon U3, thị trấn E, huyện J, tỉnh Đắk Nông – Có mặt.

4.6. Anh Nguyễn Thu L2, sinh năm 1980; địa chỉ: tổ dân phố 3, phường E, TP. B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng thời gian từ ngày 8/8/2016 đến ngày 02/12/2016, Hoàng Văn S đã 11 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện B, tỉnh Đắk Nông, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 9 giờ ngày 8/8/2016 Hoàng Văn S đi bộ từ thôn N3, xã N, huyện B đến thôn Đắk Hợp, xã N, huyện B, khi đến thôn Đắk Hợp, Hoàng Văn S thấy chiếc xe mô tô biển kiểm soát 48C1 - 117.03 của ông Hà Văn C4 dựng gần suối Đ không có người trông coi, xe không khóa cổ, S dùng tay rút dây ổ khóa điện (dây dẫn điện từ bình lên ổ khóa) rồi khởi động máy và điều khiển xe chạy về thôn Năm Tầng, xã R, huyện R, tỉnh Đắk Nông gặp Lạc Văn Đ3 (thôn 4, xã Cư Knia, huyện J, tỉnh Đắk Nông) (S và Đ3 quen nhau qua một lần mua ma túy) S hỏi Đ3 “*có mua xe không giấy tờ không*” do không có tiền nên Đ3 không mua. Sau đó S hỏi “*chú có hàng không*” (ý là ma túy), Xã Đ3 trả lời “*còn một ít*” nghe vậy S nói “*chú cầm chiếc xe trên cho cháu một ít ma túy để cháu sử dụng, chứ cháu đang vớ lăm rồi*”, Đ3 nói S để lại chiếc xe trên cho Đ3 rồi Đ3 đưa cho S số ma túy trị giá 500.000 đồng. Sau khi nhận ma túy S đi về lán của Lý Văn A (thôn Năm Tầng xã R, huyện R, tỉnh Đắk Nông) tại đây S kể cho A nghe việc đã lấy trộm chiếc xe

mô tô của ông Hà Văn C4 và đang thế chấp cho Đ3 để lấy 500.000 đồng tiền ma túy. Khi nghe S nói vậy thì A có hỏi “*có chuộc lại được không*” thì S trả lời được, lúc này A nói nếu chuộc được thì đem về bán cho A với giá 1.000.000 đồng. Nghe A nói vậy S đồng ý bán, A đưa trước cho S 500.000 đồng để chuộc xe. Sau khi chuộc được xe từ Đ3, S mang về bán cho A và nhận 500.000 đồng từ A như đã thỏa thuận trước. Khoảng 01 tháng sau Lý Văn A bán chiếc xe trên cho một người tên H tại thôn 2, xã K, huyện J, tỉnh Đắk Nông với giá 500.000 đồng. Do không xác định được nhân thân của H nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện B không thu giữ được chiếc xe nói trên.

Vụ thứ hai: Chiều ngày 10/9/2016 Hoàng Văn S đi bộ từ lán của mình tại thôn N, xã N ra xã Đ để tìm xe lấy trộm. Khi đến khu vực thác G thuộc rừng đặc dụng cảnh quan thác Đ (xã Đ, huyện B) thì phát hiện chiếc xe mô tô biển kiểm soát 48H3 - 5586 của anh Võ Ngọc V đang để ở lề đường đất cách công thác khoảng 02km, không có người trông coi, xe không khóa cổ, Hoàng Văn S dùng dao thái lan mang theo cắt dây dẫn điện ổ khóa, sau đó đầu nói lại rồi điều khiển xe chạy về lán của S. Đến khoảng 6 giờ 30 phút ngày 11/9/2016 S điều khiển chiếc xe trên đến nhà Đặng Phú H1, S hỏi H1 “*anh có biết chỗ nào mua xe không giấy tờ không*” H1 trả lời là biết, H1 hỏi S “*xe ăn trộm hả*” thì S trả lời “*ừ*”, sau đó H1 gọi điện thoại gọi cho Triệu Tồn S hỏi có mua xe không, thì S trả lời là không và S có hỏi lại bán bao nhiêu thì H1 trả lời “*xe của bạn anh lấy trộm nên bán với giá rẻ*”. H1 hỏi S “*có biết chỗ nào bán không*” thì S trả lời là có. Sau đó S rủ Sầm Văn H2 chở S lên nhà H1 để đi bán xe. S gọi điện thoại cho Lý Tồn K hỏi có mua xe không, K nói có và hỏi giá bao nhiêu thì S nói 3.000.000 đồng. K đồng ý và yêu cầu S mang chiếc xe qua để xem rồi mới mua. Sau đó S gọi lại cho K nói bây giờ bán 3.500.000 đồng thì K đồng ý. Sau đó H chở S, H1 đi xe của H1, S đi xe đã lấy trộm của anh Võ Ngọc V đến nhà K để bán. Khi đến chợ 312, xã Đắk R’la, huyện R, tỉnh Đắk Nông thì H1 đứng chờ còn S, H và S tiếp tục đến nhà K để bán xe. Khi đến nhà K thì S ở ngoài còn H và S đi xe mà S đã trộm cắp vào bán cho K với giá 3.500.000 đồng. Sau khi mua xe xong thì K hỏi H “*xe này lấy ở đâu*” H nói “*xe này lấy ở xa lắm người ta không biết đâu*”. Sau khi bán xe xong H chở S và S về đến chợ Đ thì S đưa cho H và S 500.000 đồng, S và H chia nhau mỗi người 250.000 đồng. Khi về đến chợ 312 thì S đưa cho H1 150.000 đồng, số tiền còn lại S tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mua xe xong do biết xe trộm cắp nên K tháo vỏ xe và đục số khung, số máy để khỏi bị phát hiện. Ngày 11/01/2017 Lý Tồn K đã giao nộp chiếc xe trên cho cơ quan điều tra.

Vụ thứ ba: Khoảng 10 giờ ngày 20/9/2016 Hoàng Văn S đi bộ từ lán rẫy ở thôn Nam Tân, xã N qua khu vực thác G, xã Đ khi đi qua khu vực trảng tre cách cổng thác Đ khoảng 5km thì phát hiện chiếc xe mô tô biển kiểm soát 48D1 - 034.70 của anh Đàm Văn L dựng bên lề đường đất không có người trông coi, S đi đến vị trí chiếc xe của anh L thì thấy xe đang khóa cổ, S dùng hai chân kẹp đầu xe rồi dùng tay bẻ cổ xe phá khóa. Sau đó dùng kéo cắt càn cà phê mang theo cắt dây ổ khóa điện rồi đầu nối lại và khởi động xe điều khiển lên nhà Đặng Phụ H1. Đến nhà H1, S hỏi “*có chỗ nào mua xe không*” thì H1 trả lời “có”. Sau đó H1 gọi điện thoại cho Sầm Văn H2 nói có một chiếc xe trên nhà H1 lên chở H1 mang đi bán. Khi H đến thì H1 hỏi H có biết chỗ nào bán xe không thì H trả lời là không biết. Lúc này H1 nói “*hay là qua chỗ cũ xem sao*” thì được H đồng ý. Sau đó thì S ở nhà H1 còn H đi xe của H, H1 đi xe của S lấy trộm được của anh Đàm Văn L đến nhà Lý Tồn K để bán. Khi đến H1 đứng ngoài đường chờ còn H đưa chiếc do S trộm cắp vào để bán cho Lý Tồn K nhưng K không mua, tại nhà K lúc này có Lý Sành C, H hỏi C có mua xe không thì C nói không có tiền. Sau khi C đi về nhà (cách nhà K khoảng 100 m) thì H chạy xe vào nhà C để tiếp tục hỏi bán xe. Khi vào C có hỏi H bán chiếc xe trên bao nhiêu thì H trả lời là 3.500.000 đồng. C nói với H nếu bán 2.000.000 đồng thì mua. Nghe C nói vậy thì H gọi điện thoại cho H1 bảo họ không mua và chạy xe ra chỗ H1 đứng đợi. Sau đó H dẫn H1 vào nhà C. Khi vào thì H1 ngồi nói chuyện với C còn H ngồi dưới bếp, H1 nói “*lấy cho đi giờ không có tiền xăng đi về*”, C hỏi mua với giá 1.500.000 đồng thì H1 đồng ý bán. Sau khi mua xe C có hỏi H1 “*xe này xa hay gần*” thì H1 nói “*xa lắm không sợ đâu*”. Khi đi về H1 nói với H “*lần này bán được ít để lần sau sẽ cho*” khi về đến nhà H1 đưa toàn bộ số tiền bán xe cho S, S cho H1 50.000 đồng, số còn lại S tiêu xài cá nhân hết. Do biết chiếc xe do người khác trộm cắp nên sau khi mua Lý Sành C đã tháo vỏ và đục số khung, số máy để khỏi bị phát hiện. Ngày 10/01/2017 chị Bàn Mùi P (vợ của Lý Sành C) đã giao nộp chiếc xe nói trên cho Cơ quan điều tra.

Vụ thứ tư: Khoảng 10 giờ ngày 23/9/2016 Hoàng Văn S đi bộ từ lán rẫy ở thôn N, xã N ra khu vực thác G thuộc xã Đ để tìm xe máy lấy trộm, khi đi đến bãi tre thuộc khu vực rừng đặc dụng cảnh quan thác Đ thuộc xã Đ, S phát hiện chiếc xe mô tô biển kiểm soát 48C1 - 156.57 của anh Nguyễn Văn X dựng bên đường đất không có người trông coi, xe vẫn ở trạng thái mở khóa nhưng không có chiếc khóa, Hoàng Văn S, S dắt chiếc xe ra ngoài khoảng 50m nổ máy rồi điều khiển lên TP. B, tỉnh Đắk Lắk. Khi đến bãi đất trống gần siêu thị BiTis (đường Nguyễn Tất Thành) S gặp người tên Chương đang sử dụng ma túy (S gặp Chương lần đầu nên không biết địa chỉ của Chương). Lúc này S hỏi Chương biết chỗ nào mua xe không giấy tờ

không thì Chương hỏi “*có pH xe ăn trộm không*” S trả lời pH, nghe vậy Chương gọi điện thoại cho một người thanh niên mà S không quen biết và bán chiếc xe trên cho người này với giá 300.000 đồng, số tiền bán xe S tiêu xài cá nhân hết. Do không xác định được nhân thân của Chương và người thanh niên đã mua xe nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện B không thu giữ được chiếc xe nói trên.

Vụ thứ năm: Khoảng 9 giờ 30 phút ngày 25/9/2016 Hoàng Văn S đi bộ từ lán rẫy ở thôn Nam Tân, xã N ra khu vực thác G thuộc xã Đăk Sôr để tìm xe máy lấy trộm, khi đi đến khu vực rừng đặc dụng cảnh quan thác Đ thuộc xã Đ, S phát hiện chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47B1 - 271.86 của anh Y’KLíp Eban đang dựng trong bãi tre và cách đường đất khoảng 20m không có người trông coi, S đến vị trí chiếc xe thì thấy xe không khóa cổ, S dùng dao thái lan mang theo cắt dây dẫn điện lên ổ khóa sau đó đầu nối lại rồi nổ máy điều khiển đến tiệm sửa chữa xe máy của anh Lê Quang D, S hỏi anh D “*có mua xe không giấy tờ không*” thì anh D hỏi S “*xe ăn trộm hay xe của nhà*” S trả lời “*xe của nhà nhưng mất giấy tờ*”. Lúc này anh D hỏi S bán bao nhiêu thì S nói 700.000 đồng, anh D đồng ý mua. Số tiền bán xe S tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mua xe thì anh D sử dụng làm phương tiện đi lại. Ngày 18/01/2017 anh Lê Quang D giao nộp chiếc xe trên cho Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện B.

Vụ thứ sáu: Khoảng 10 giờ ngày 30/9/2016 Hoàng Văn S đi bộ từ lán rẫy ở thôn Nam Tân, xã N ra khu vực thác G thuộc xã Đăk Sôr để tìm xe máy lấy trộm, khi đi đến khu vực rừng đặc dụng cảnh quan thác Đ thuộc xã Đ, S phát hiện chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47L8 - 2129 của chị H’Yoi Kbuôr đang để trong bãi tre cách đường đất khoảng 150m cùng với 03 chiếc xe mô tô khác không có người trông coi. Hoàng Văn S đi đến vị trí chiếc xe của chị H’Yoi Kbuôr thì phát hiện xe không khóa cổ, S dắt xe của chị H’Yoi Kbuôr ra ngoài rồi rút dây dẫn điện lên ổ khóa, nổ máy và điều khiển ra huyện J, tỉnh Đăk Nông. Khi đến ngã 3 Tán H thuộc huyện J, S vào tiệm sửa chữa xe máy và hàn xì của anh Vũ Ngọc B2, S hỏi anh Bắc “*có mua xe không giấy tờ không*” thì anh Bắc hỏi S “*sao lại bán*” S nói “*xe thường xuyên bị hư hỏng và bị mất giấy tờ nên bán*” anh Bắc hỏi S bán bao nhiêu, S nói bán 500.000 đồng, anh Bắc nói “*còn 480.000 đồng, có đồng ý bán không*” thì S đồng ý. Anh Vũ Ngọc B2 yêu cầu S viết giấy bán xe thể hiện lý do bị mất giấy tờ. Số tiền bán xe S sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Ngày 09/01/2017 anh Vũ Ngọc B2 giao nộp chiếc xe trên cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B.

Vụ thứ bảy: Khoảng 15 giờ ngày 02/10/2016 Hoàng Văn S đi bộ từ lán rẫy ở thôn Nam Tân, xã N ra khu vực thác G thuộc xã Đăk Sôr để tìm xe máy lấy trộm, khi đến lán rẫy của ông Doãn thuộc khu vực rừng đặc dụng cảnh quan thác Đ thuộc

xã Đ, S phát hiện chiếc xe mô tô biển kiểm soát 48F5 - 2016 của anh Nguyễn Huy T3 dựng cách lán khoảng 03m không có người trông coi, Hoàng Văn S đến vị trí chiếc xe dùng tay rút dây dẫn điện lên ổ khóa rồi nổ máy điều khiển xe ra huyện J, tỉnh Đắk Nông đến tiệm phế liệu của ông Trần Việt D, S hỏi ông D “*em có chiếc xe không có giấy tờ anh có mua không*”, thấy chiếc xe bị hư hỏng nhiều bộ phận ông D đồng ý mua để bán phế liệu, ông D hỏi S bán bao nhiêu thì S nói “*anh mua được giá bao nhiêu*”, ông D trả giá 400.000 đồng thì S đồng ý bán. Số tiền bán xe S tiêu xài cá nhân hết. Sau khi mua xong ông Trần Việt D để chiếc xe tại tiệm phế liệu của mình, khoảng 10 ngày sau ông D bán chiếc xe trên cho anh Bùi Văn H4 với giá là 750.000 đồng. Sau khi mua xong anh Hiếu mang ra tiệm để sửa chữa, nhưng do tiền sửa chữa lớn nên anh Hiếu không sửa. Do gia đình có chiếc xe mô tô bị mất biển kiểm soát, anh Hiếu đã tháo biển kiểm soát của chiếc xe đã mua lắp vào chiếc xe của gia đình. Sau đó anh Bùi Văn H4 bán lại cho anh Y Dinh Y1 với giá là 1.400.000 đồng. Sau khi mua xe anh Y Dinh Y1 tháo lấy phần khung xe, bánh trước và bánh sau của chiếc xe trên lắp vào chiếc xe biển kiểm soát 48H2 - 3946 của gia đình, những bộ phận còn lại đem bán phế liệu. Ngày 04/02/2017 anh Y Dinh Y1 giao nộp chiếc xe biển kiểm soát 48H2 - 3946 cho Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện B, ngày 02/03/2017 anh Bùi Văn H4 giao nộp biển kiểm soát 48F5 - 2016 cho Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện B.

Vụ thứ tám: Sáng ngày 13/10/2016 Hoàng Văn S đi bộ từ lán rẫy ở thôn Nam Tân, xã N đến khu vực “Trảng Voi” thuộc địa phận xã Đ, huyện B, S phát hiện chiếc xe mô tô biển kiểm soát 48C1 - 043.69 của anh Đàm Quốc P4 dựng sát bụi tre bên cạnh đường không có người trông coi, Hoàng Văn S đi đến vị trí chiếc xe thấy xe không khóa cổ, S sử dụng kéo cắt cành cà phê mang theo cắt dây dẫn điện ổ khóa rồi đầu nối lại, nổ máy và điều khiển xe về để tại lán rẫy của S tại thôn Nam Tân, xã N, huyện B. Khi về lán rẫy S cạy mở cốp xe phát hiện trong cốp xe có 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe biển kiểm soát 48C1 - 043.69, 01 giấy phép lái xe, 01 thẻ hội cựu chiến binh đều mang tên Đàm Quốc P4. Ngày 17/10/2016 Hoàng Văn S điều khiển xe trộm cắp của anh Đàm Quốc P4 lên TP. B, tỉnh Đắk Lắk cầm cố tại tiệm dịch vụ cầm đồ Thái Vinh do anh Nguyễn Thu L2 làm chủ, khi cầm cố Hoàng Văn S sử dụng giấy đăng ký xe, giấy phép lái xe của anh Đàm Quốc P4, do tin tưởng S là chủ sở hữu hợp pháp nên anh Nguyễn Thu L2 đã nhận cầm cố với giá 6.000.000 đồng, số tiền trên S mua ma túy sử dụng và tiêu xài cá nhân hết. Ngày 06/01/2017 anh Nguyễn Thu L2 đã giao nộp chiếc xe nói trên cho Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện B.

Vụ thứ chín: Khoảng 11 giờ ngày 23/10/2016 Hoàng Văn S đi bộ từ lán rẫy tại thôn Nam Tân, xã N ra khu vực thác G thuộc xã Đăk Sôr để tìm xe máy lấy trộm, khi đi đến đường bê tông thuộc khu vực rừng đặc dụng cảnh quan thác Đ thuộc xã Đ, S phát hiện chiếc xe mô tô biển kiểm soát 48H3 - 5086 của anh Đinh Quốc T2 để bên đường không có người trông coi, S đi đến vị trí chiếc xe, thấy xe không khóa cổ, S dùng vạm phá khóa mang theo trong người phá khóa rồi nổ máy điều khiển lên TP. B, tỉnh Đăk Lăk gặp người tên Huân (S gặp khi mua ma túy tại TP. B) và nhờ Huân bán chiếc xe trên với giá 2.000.000 đồng, số tiền trên S sử dụng tiêu xài cá nhân. Do không xác định được nhân thân của Huân nên Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện B không thu giữ được chiếc xe nói trên.

Vụ thứ mười: Sáng ngày 20/11/2016 Hoàng Văn S đi bộ từ lán rẫy ở thôn Nam Tân, xã N đến thôn Nam Hợp, xã N để tìm xe máy trộm cắp, khi đến đoạn đường đất vào rẫy của chị Phạm Thị X, S phát hiện chiếc xe mô tô biển kiểm soát 48H3 - 5674 của chị Xinh đang để ở đường đất đi vào rẫy, S đi đến vị trí để chiếc xe, thấy xe không khóa cổ, S dùng vạm phá khóa mang theo trong người phá khóa rồi nổ máy điều khiển lên TP. B, tỉnh Đăk Lăk bán cho đối tượng tên “Cu” với giá 1.500.000 đồng số tiền trên S tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ mười một: Khoảng 16 giờ ngày 02/12/2016 Hoàng Văn S đi xe buýt từ TP. B, tỉnh Đăk Lăk về huyện B. Khi đến khu vực “lò gạch” thuộc huyện J, S xuống xe đi bộ về hướng huyện B để tìm xe lấy trộm. Khi đến thôn L3, xã Đ, huyện B S đi vào đường đất cách quốc lộ 26 khoảng 200m, S phát hiện chiếc xe mô tô biển kiểm soát 48H2 - 0677 của ông Nguyễn Văn S2 đang dựng bên đường không có người trông coi, xe không khóa cổ, S đến vị trí để chiếc xe dùng vạm phá khóa mang theo trong người phá khóa rồi nổ máy điều khiển lên TP. B, tỉnh Đăk Lăk bán cho đối tượng tên “Cu” với giá 2.000.000 đồng, S sử dụng tiêu xài cá nhân hết. Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện B đã tiến hành xác minh nhưng không xác định được đối tượng tên “Cu” nên không thu giữ được 02 chiếc xe nói trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 02/BB-KLĐG ngày 07/02/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B kết luận: xe mô tô biển kiểm soát 48C1- 043.69 trị giá 10.418.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 05/BB-KLĐG ngày 06/03/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B kết luận: Xe mô tô biển kiểm soát 48C1 - 117.03 trị giá 4.000.000 đồng. Xe mô tô biển kiểm soát 48H3 - 5586 trị giá 6.125.000 đồng. Xe mô tô biển kiểm soát 48D1 - 034.70 trị giá 11.692.000 đồng. Xe mô tô biển kiểm soát 48C1 - 156.57 trị giá 8.864.000 đồng. Xe mô tô biển kiểm soát 47B1 - 271.86 trị giá 6.400.000 đồng. Xe mô tô biển kiểm soát

48H3 - 5086 trị giá 5.688.000 đồng. Xe mô tô biển kiểm soát 48H3 - 5674 trị giá 5.333.000 đồng. Xe mô tô biển kiểm soát 48H2 - 0677 trị giá 1.580.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 18/BB-KLĐG ngày 9/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B kết luận: xe mô tô biển kiểm soát 47L8 - 2129 trị giá 990.000 đồng.

Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 48F5 - 2016 Hoàng Văn S trộm cắp của anh Nguyễn Huy T3 do hết thời hạn khấu hao và khi thu giữ thì chiếc xe trên được lắp ráp, thay thế các bộ phận của chiếc xe khác vào nên không đủ căn cứ để định giá.

Tổng giá trị tài sản mà Hoàng Văn S đã chiếm đoạt là **61.090.000 đồng**.

Vật chứng của vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện B đã thu giữ những vật chứng sau: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA (loại xe Sirius) màu đỏ, đen biển kiểm soát 48C1 - 043.69; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, số: 000873 mang tên Đàm Quốc P4; 01 giấy phép lái xe số AH 777235 mang tên Đàm Quốc P4; 01 xe mô tô nhãn hiệu Detech, màu vàng, đen biển kiểm soát: 47B1 - 271.86; 01 xe mô tô nhãn hiệu AURIGA (loại xe Wave), màu đen biển kiểm soát 47L8 - 2129; 01 xe mô tô (loại xe Wave) màu đen, biển kiểm soát 48H2 - 3946; 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy, số: 004710 mang tên Hà Thị N; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, màu đen không có biển kiểm soát, *(còn bộ khung xe, không còn phần vỏ bọc bên ngoài, xe bị hư hỏng nhiều bộ phận, ống pô bị thay thế, hộp đèn chiếu sáng không còn)*; 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, màu đen không có biển kiểm soát, *(còn bộ khung xe, không còn phần vỏ bọc bên ngoài, xe bị hư hỏng nhiều bộ phận, không còn hộp chắn sên, không hộp đựng đèn chiếu sáng, xe bị thay đổi một số kết cấu)*; 01 biển kiểm soát 48F5 – 2016.

Ngày 21/02/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông giám định số khung, số máy của xe mô tô biển kiểm soát 48C1 - 043.69, xe mô tô biển kiểm soát 47B1 - 271.86, xe mô tô biển kiểm soát 47L8 – 2129, xe mô tô biển kiểm soát 48H2 – 3946, xe mô tô không biển kiểm soát *(chỉ còn bộ khung xe, không còn phần vỏ bọc bên ngoài, xe bị hư hỏng nhiều bộ phận, ống xả đã bị thay thế, hộp đèn chiếu sáng không còn)*, xe mô tô không có biển kiểm soát *(chỉ còn bộ khung xe, không còn phần vỏ bọc bên ngoài, xe bị hư hỏng nhiều bộ phận, không còn hộp chắn sên, không hộp đựng đèn chiếu sáng, xe đã bị thay đổi một số kết cấu)*; cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B tiến hành tra cứu chủ sở hữu của những chiếc xe nói trên.

Kết luận giám định của phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Đắk Nông và kết quả tra cứu của phòng cảnh sát giao thông công an tỉnh Đắk Nông xác định:

Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 48C1- 043.69, số khung: RLCS5C640 CY758470, số máy: 5C64-758464 của anh Đàm Quốc P4 trú tại thôn N5, xã Đ, huyện B là chủ sở hữu.

Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47B1 - 271.86 không xác định được số khung, số máy sau giám định, kết quả tra cứu không xác định được chủ sở hữu.

Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47L8- 2129 số khung: RMVWCHLMV 61200058, số máy: RMHEX152FMH-D*000005*, kết quả tra cứu không xác định được chủ sở hữu.

Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 48H2 - 3946, số khung: RRHWCH3 RH7A003072, số máy: VTT39JL1P52FMH008642, kết quả tra cứu số khung là của chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47M4 - 7278 do anh Từ Đình Thắng (thôn 2, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk) là chủ sở hữu. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng không có người nào tên là Từ Đình T theo như địa chỉ trên, số máy là của chiếc xe mô tô biển kiểm soát 48H2 - 3946 do chị Hà Thị N (thôn S, xã P, huyện J, tỉnh Đắk Nông) là chủ sở hữu, chiếc xe trên do gia đình anh Y Đình Y1 mua lại tại cửa hàng xe máy P (thị trấn E, huyện J) năm 2011.

Chiếc xe mô tô không biển kiểm soát (*chỉ còn bộ khung xe, không còn phần vỏ bọc bên ngoài, xe đã bị hư hỏng nhiều bộ phận, ống pô đã bị thay thế, hộp đèn chiếu sáng không còn, không xác định được số khung, số máy*) nên không xác định được chủ sở hữu.

Chiếc xe mô tô không biển kiểm soát (*chỉ còn bộ khung xe, không còn phần vỏ bọc bên ngoài, xe đã bị hư hỏng nhiều bộ phận, không còn hộp chắn sên, không hộp đèn chiếu sáng, không xác định được số khung, số máy*) nên không xác định được chủ sở hữu.

Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại: Anh Đàm Quốc P4 đề nghị nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường. Anh Võ Ngọc V yêu cầu bồi thường 16.800.000 đồng. Chị Phạm Thị X yêu cầu bồi thường 7.000.000 đồng. Anh Nguyễn Văn X yêu cầu bồi thường 10.000.000 đồng. Anh Nguyễn Huy T3 yêu cầu bồi thường 5.000.000 đồng. Anh Nguyễn Văn S2 yêu cầu bồi thường 12.000.000 đồng. Anh Đinh Quốc T2 yêu cầu bồi thường 25.000.000 đồng. Anh Hà Văn C4 yêu cầu bồi thường 5.000.000 đồng. Anh Y K yêu cầu bồi thường 10.000.000 đồng. Chị H Y yêu cầu bồi thường 7.000.000 đồng. Anh Đàm Văn L yêu cầu bồi thường 15.000.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Thu L2 yêu cầu bồi thường 6.000.000 đồng. Anh Y Đình Y1 yêu cầu bồi thường 1.000.000 đồng và xin

lại những bộ phận chiếc xe của anh Y Dinh Y1 bị thu giữ. Anh Lê Quang D, anh Vũ Ngọc B2 không yêu cầu bồi thường.

Cáo trạng số: 30/CTr-VKS ngày 08/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố bị cáo Hoàng Văn S về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm b, điểm e - khoản 2 - Điều 138 Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Lý Văn A, Đặng Phú H1, Triệu Tồn S, Sầm Văn H2, Lý Tồn K, Lý Sành C về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 - Điều 250 Bộ luật Hình sự.

Trong vụ án này anh Lê Quang D, anh Vũ Ngọc B2, ông Trần Việt D, anh Bùi Văn H4, anh Y Dinh Y1 có hành vi mua xe do Hoàng Văn S bán; anh Lạc Văn Đ3, anh Nguyễn Thu L2 nhận cầm cố xe cho Hoàng Văn S. Tuy nhiên những người này không biết bị cáo Hoàng Văn S có hành vi phạm tội nên không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự. Đối với Huy, Chương, Huân, Cu, quá trình điều tra không xác định được nhân thân lai lịch nên không có cơ sở để xử lý.

Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Văn S, Lý Văn A, Đặng Phú H1, Triệu Tồn S, Sầm Văn H2, Lý Tồn K, Lý Sành C khai nhận toàn bộ nội dung như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B thực hành quyền công tố luận tội và tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo Hoàng Văn S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, các bị cáo Lý Văn A, Đặng Phú H1, Triệu Tồn S, Sầm Văn H2, Lý Tồn K, Lý Sành C phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

- Áp dụng điểm b, điểm e – khoản 2 – Điều 138; điểm p, điểm o – khoản 1 – Điều 46; điểm g – khoản 1 – Điều 48; Điều 33; Điều 51 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Hoàng Văn S từ 04 năm đến 05 năm tù; tổng hợp với hình phạt 10 tháng tù tại bản án số 15/2017/HSST ngày 08/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Đắk Nông, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án từ 04 năm 10 tháng đến 05 năm 10 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 – Điều 250; điểm p – khoản 1 – Điều 46; điểm g - khoản 1 - Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Đặng Phú H1 từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Sầm Văn H2 từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 – Điều 250; điểm h, điểm p – khoản 1 – Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lý Văn A từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 – Điều 250; điểm h, điểm p – khoản 1 – Điều 46; Điều 69; Điều 74 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Triệu Tồn S từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 – Điều 250; điểm h, điểm p – khoản 1 – Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Lý Tồn K từ 09 tháng đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Xử phạt bị cáo Lý Sành C từ 09 tháng đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Các biện pháp tư pháp: Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 xe mô tô (loại xe Wave) màu đen, biển kiểm soát 48H2 - 3946; 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy, số: 004710 mang tên Hà Thị Nhung; 02 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, màu đen không có biển kiểm soát, 01 biển kiểm soát 48F5 – 2016. Trả anh Đàm Quốc P4 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA (loại xe Sirius) màu đỏ, đen biển kiểm soát 48C1 - 043.69; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, số: 000873 mang tên Đàm Quốc P4; 01 giấy phép lái xe số AH 777235 mang tên Đàm Quốc P4. Trả anh Y'KLíp Êban 01 xe mô tô nhãn hiệu Detech, màu vàng, đen biển kiểm soát: 47B1 - 271.86; Trả chị H'Yoi Kbuôr 01 xe mô tô nhãn hiệu AURIGA (loại xe Wave), màu đen biển kiểm soát 47L8 – 2129. *(Vật chứng có đặc điểm, kích thước như biên bản thu giữ).*

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự, các Điều 584, 589 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Hoàng Văn S phải bồi thường người bị hại anh Võ Ngọc V, chị Phạm Thị X, anh Nguyễn Văn X, anh Nguyễn Văn S2, anh Đinh Quốc T2, anh Hà Văn C4, anh Đàm Văn L theo quy định của pháp luật. Buộc bị cáo Hoàng Văn S phải bồi thường người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thu L2 theo quy định của pháp luật. Anh Lê Quang D, Vũ Ngọc B2, không yêu cầu bồi thường nên không đề cập. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường của anh Y Dinh Y1.

Trợ giúp viên pháp lý Y trình bày luận cứ: thống nhất với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện B đối với các bị cáo Hoàng Văn S, Đặng Phú H1, Triệu Tồn S, Sầm Văn H2, Lý Tồn K, Lý Sành C. Đối với bị cáo Lý Văn A là lao động chính trong gia đình, một mình nuôi con nhỏ, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm khoản 2 – Điều 46; Điều 60 Bộ luật hình sự; cho bị cáo An được hưởng án treo.

Các bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành

vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2]. Khoảng thời gian từ ngày 08/8/2016 đến ngày 02/12/2016, tại địa bàn huyện B, tỉnh Đắk Nông, Hoàng Văn S đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp 11 chiếc xe mô tô của ông Hà Văn C4, anh Võ Ngọc V, anh Đàm Văn L, sinh năm 1973; anh Nguyễn Văn X, anh Y K Êban, chị H Y Kbuôr, anh Nguyễn Huy T3, anh Đàm Quốc P4, anh Đinh Quốc T2, chị Phạm Thị X, anh Nguyễn Văn S2, tổng giá trị tài sản trộm cắp là **61.090.000đ** (*Sáu mươi một triệu không trăm chín mươi nghìn đồng*); S là người nghiện ma túy, không có nghề nghiệp, tài sản, lấy việc trộm cắp làm nghề sinh sống. Lý Văn A, Lý Tồn K, Lý Sành C biết xe do Hoàng Văn S trộm cắp mà có nhưng vẫn đồng ý tiêu thụ; Đặng Phú H1, Triệu Tồn S, Sầm Văn H2, biết xe do Hoàng Văn S trộm cắp mà có nhưng có hành vi giúp tiêu thụ. Như vậy, hành vi của Hoàng Văn S bị Viện kiểm sát nhân huyện B, tỉnh Đắk Nông truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b, điểm e - khoản 2 - Điều 138 Bộ luật hình sự; hành vi của Lý Văn A, Đặng Phú H1, Triệu Tồn S, Sầm Văn H2, Lý Tồn K, Lý Sành C bị Viện kiểm sát nhân huyện B, tỉnh Đắk Nông truy tố về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 - Điều 250 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

Điều 138 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm

...

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

...

e) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng.”

Điều 250 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.”

[3]. Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra và nhân thân của các bị cáo:

3.1. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo Hoàng Văn S, Đặng Phụ H1, Sầm Văn H2 thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Triệu Tồn S 17 tuổi 1 tháng 21 ngày, vì vậy áp dụng các quy định của pháp luật đối với người chưa thành niên phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt các bị cáo hình phạt tương xứng để giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống; đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

3.2. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; các bị cáo là người dân tộc thiểu số có hoàn cảnh khó khăn, trình độ nhận thức pháp luật còn hạn chế; các bị cáo Lý Văn A, Triệu Tồn S, Lý Tồn K, Lý Sành C phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo Hoàng Văn S đã tự khai báo các hành vi trộm cắp của bị cáo, là tình tiết người phạm tội tự thú. Do đó Hội đồng xét xử có căn cứ để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, điểm o, điểm p - khoản 1, khoản 2 - Điều 46 Bộ luật Hình sự.

3.3. Từ những đánh giá, phân tích nêu trên, căn cứ vào tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo Triệu Tồn S, Lý Tồn K, Lý Sành C đã gây ra, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, do đó không bắt các bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì cũng không gây ảnh hưởng xấu đến đấu tranh phòng, chống tội phạm, mà áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự, cho các bị cáo được hưởng án treo, giao cho chính quyền địa phương và gia đình các bị cáo phối hợp giám sát, giáo dục, thể hiện chính sách khoan hồng và nhân đạo của pháp luật.

Bản án số 32/2016/HSST ngày 12/9/2016 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Đắk Nông xử phạt Triệu Tồn S 04 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm về tội “Trộm cắp tài sản”. Tuy nhiên, hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” xảy ra trước khi có bản án này. Do đó xác định bị cáo không có tiền án.

Bị cáo Hoàng Văn S đang trong thời gian chấp hành hình phạt 10 tháng tù tại bản án số: 15/2017/HSST ngày 08/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện R, tỉnh Đắk Nông. Đến thời điểm xét xử vụ án này, bị cáo S còn pH chấp hành 02 ngày tù, do đó không tổng hợp hình phạt mà buộc bị cáo chấp hành hình phạt của bản án này từ ngày 12/10/2017.

Đối với Lê Quang D, Vũ Ngọc B2, Trần Việt D, Bùi Văn H4, Y Dinh Y1 có hành vi mua xe mô tô; Lạc Văn Đ3, Nguyễn Thu L2 nhận cầm cố xe mô tô. Tuy nhiên những người này không biết đó là tài sản do Hoàng Văn S trộm cắp mà có, do đó không có căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với người tên Huy, Chương, Huân, “Cu”, không xác định được nhân thân lai lịch nên không đủ cơ sở xử lý.

[4]. Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, những người bị hại anh Hà Văn C4, anh Nguyễn Văn X, anh Đinh Quốc T2, chị Phạm Thị X, anh Nguyễn Văn S2, yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị xe mà bị cáo trộm cắp số tiền như Hội đồng định giá tài sản đã kết luận. Bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của anh Cẩm, anh Xuân, anh Trọng, chị Xinh, anh S. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo và người bị hại đã tự nguyện thỏa thuận mức bồi thường nên cần chấp nhận. Do xe đã hết thời hạn khấu hao, không đủ căn cứ định giá nên anh Nguyễn Huy T3 không yêu cầu bồi thường. Anh Đàm Quốc P4, anh Y K’líp, chị H’Yoi đề nghị nhận lại xe, không yêu cầu bồi thường.

Buộc bị cáo Hoàng Văn S bồi thường người bị hại anh Võ Ngọc V, anh Đàm Văn L giá trị tài sản chiếm đoạt trái pháp luật như Hội đồng định giá tài sản đã kết luận.

Buộc bị cáo Hoàng Văn S pH bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thu L2 số tiền có được từ việc cầm cố chiếc xe mô tô biển kiểm soát 48C1 - 043.69 bị S chiếm đoạt trái pháp luật.

Anh Y Dinh Y1 mua lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 48F5 - 2016 từ anh Bùi Văn H4, việc mua bán giữa anh Y Dinh với anh Hiếu là tự nguyện, anh Hiếu không biết tài sản mua bán do trộm cắp mà có, do đó không chấp nhận yêu cầu bồi thường của anh Y Dinh Y1.

Anh Lê Quang D, anh Vũ Ngọc B2 không yêu cầu bồi thường nên không đề cập.

[5]. Về biện pháp tư pháp: Xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 01 xe mô tô (loại xe Wave) màu đen, biển kiểm soát 48H2 - 3946; 01 xe mô tô nhãn hiệu HON DA, màu đen không có biển kiểm soát, (*chỉ còn bộ khung xe, không còn phần vỏ bọc bên ngoài, xe đã bị hư hỏng nhiều bộ phận, ống pô đã bị thay thế, hộp đèn chiếu sáng không còn*); 01 xe mô tô nhãn hiệu HON DA, màu đen không có biển kiểm soát, (*chỉ còn bộ khung xe, không còn phần vỏ bọc bên ngoài, xe đã bị hư hỏng nhiều bộ phận, không còn hộp chắn sên, không hộp đựng đèn chiếu sáng, xe đã bị thay đổi một số kết cấu*); 01 biển kiểm soát 48F5 - 2016; 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy, số: 004710 mang tên Hà Thị Nhung; không còn giá trị sử dụng.

- Trả anh Đàm Quốc P4 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA (loại xe Sirius) màu đỏ, đen biển kiểm soát 48C1 - 043.69; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, số: 000873 mang tên Đàm Quốc P4; 01 giấy phép lái xe số AH 777235 mang tên Đàm Quốc P4. Trả anh Y’KLíp Êban 01 xe mô tô nhãn hiệu Detech, màu

vàng, đen biển kiểm soát: 47B1 - 271.86. Trả chi H'Yoi Kbuôr 01 xe mô tô nhãn hiệu AURIGA (loại xe Wave), màu đen biển kiểm soát 47L8 – 2129.

(Vật chứng có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 08/9/2017 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B).

[6]. Về án phí: Các bị cáo Hoàng Văn S, Lý Văn A, Đặng Phụ H1, Triệu Tồn S, Sầm Văn H2, Lý Tồn K, Lý Sành C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Hoàng Văn S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; theo quy định tại điểm a, điểm c – khoản 1 – Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: bị cáo Hoàng Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”; các bị cáo Lý Văn A, Đặng Phụ H1, Triệu Tồn S, Sầm Văn H2, Lý Tồn K, Lý Sành C phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Áp dụng điểm b, điểm e – khoản 2 – Điều 138; điểm o, điểm p - khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g – khoản 1 – Điều 48 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn S 03 năm 06 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/10/2017.

- Áp dụng khoản 1 – Điều 250; điểm p – khoản 1, khoản 2 – Điều 46; điểm g – khoản 1 – Điều 48 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Đặng Phụ H1 09 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam ngày 23/6/2017.

Xử phạt bị cáo Sầm Văn H2 09 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 08/6/2017.

- Áp dụng khoản 1 – Điều 250; điểm h, điểm p – khoản 1, khoản 2 – Điều 46 Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Lý Văn A 06 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 13/6/2017.

- Áp dụng khoản 1 – Điều 250; điểm h, điểm p – khoản 1, khoản 2 – Điều 46; khoản 1, khoản 2 – Điều 60; Điều 69 Bộ luật hình sự; Căn cứ khoản 4 – Điều 227 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Triệu Tồn S 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm tính từ ngày tuyên án. Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa.

- Áp dụng khoản 1 – Điều 250; điểm h, điểm p – khoản 1, khoản 2 – Điều 46; khoản 1, khoản 2 – Điều 60 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lý Tồn K 06 tháng tù, nhưng được hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm tính từ ngày tuyên án.

Xử phạt bị cáo Lý Sành C 06 tháng tù, nhưng được hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Triệu Tồn S cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Nông; giao bị cáo Lý Tồn K, Lý Sành C cho Ủy ban nhân dân xã u, huyện R, tỉnh Nông, giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 - Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 – Điều 42 Bộ luật Hình sự; Điều 584; Điều 589 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Hoàng Văn S bồi thường những người như sau:

- Bồi thường anh Hà Văn C4 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).
- Bồi thường anh Võ Ngọc V 6.125.000đ (Sáu triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng).
- Bồi thường anh Đàm Văn L 11.692.000đ (Mười một triệu sáu trăm chín mươi hai nghìn đồng).
- Bồi thường anh Nguyễn Văn X 8.864.000đ (Tám triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).
- Bồi thường anh Đinh Quốc T2 5.688.000đ (Năm triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn đồng).
- Bồi thường chị Phạm Thị X 5.333.000đ (Năm triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).
- Bồi thường anh Nguyễn Văn S2 1.580.000đ (Một triệu năm trăm tám mươi nghìn đồng).
- Bồi thường anh Nguyễn Thu L2 6.000.000đ (Sáu triệu đồng).

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất cho thời gian chậm thi hành án.

3. Về biện pháp tư pháp: Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng khoản 2 - Điều 41; khoản 1 – Điều 42 Bộ luật hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy 01 xe mô tô (loại xe Wave) màu đen, biển kiểm soát 48H2 - 3946; 01 xe mô tô nhãn hiệu HON DA, màu đen không có biển kiểm soát, *(chỉ còn bộ khung xe, không còn phần vỏ bọc bên ngoài, xe đã bị hư hỏng nhiều bộ phận, ống pô đã bị thay thế, hộp đèn chiếu sáng không còn)*; 01 xe mô tô nhãn hiệu HON DA, màu đen không có biển kiểm soát, *(chỉ còn bộ khung xe, không còn phần vỏ bọc bên ngoài, xe đã bị hư hỏng nhiều bộ phận, không còn hộp chấn sên, không hộp đựng đèn chiếu sáng, xe đã bị thay đổi một số kết cấu)*; 01 biển kiểm soát 48F5 – 2016; 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy, số: 004710 mang tên Hà Thị Nhung; không còn giá trị sử dụng.

- Trả anh Đàm Quốc P4 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA (loại xe Sirius) màu đỏ, đen biển kiểm soát 48C1 - 043.69; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, số: 000873 mang tên Đàm Quốc P4; 01 giấy phép lái xe số AH 777235 mang tên Đàm Quốc P4. Trả anh Y'KLíp Êban 01 xe mô tô nhãn hiệu Detech, màu vàng, đen biển kiểm soát: 47B1 - 271.86. Trả chị H'Yơi Kbuôr 01 xe mô tô nhãn hiệu AURIGA (loại xe Wave), màu đen biển kiểm soát 47L8 – 2129.

(Vật chứng có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 08/9/2017 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B)

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự; áp dụng điểm a, điểm c – khoản 1 - Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Buộc bị cáo Hoàng Văn S phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 2.464.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc các bị cáo Lý Văn A, Đặng Phú H1, Triệu Tồn S, Sầm Văn H2, Lý Tồn K, Lý Sành C, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án lên Tòa án cấp trên yêu cầu xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện B;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Bộ phận HSNVCS-CA huyện B;
- Cơ quan THAHS-CA huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Quách Trọng Sơn

(Đã ký và đóng dấu)

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Quách Trọng S

